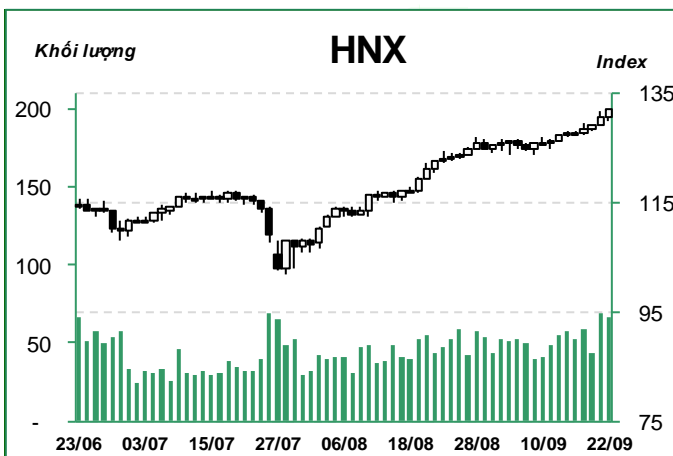
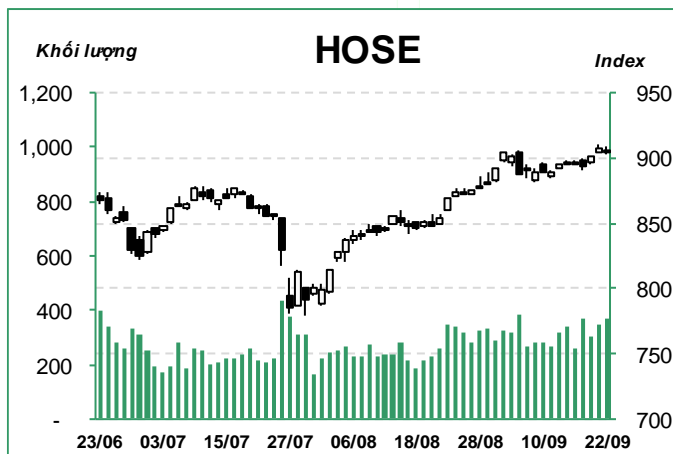


## Tổng quan thị trường

22/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>906.19</b>	<b>-0.19%</b>	<b>852.72</b>	<b>0.14%</b>	<b>132.19</b>	<b>1.23%</b>
Cuối tuần trước	900.95	0.58%	841.26	1.36%	129.20	2.31%
Trung bình 20 ngày	894.16	1.34%	831.27	2.58%	127.07	4.03%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>401.41</b>	<b>-0.50%</b>	<b>135.56</b>	<b>6.42%</b>	<b>75.63</b>	<b>-10.72%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>367.75</b>	<b>5.24%</b>	<b>130.39</b>	<b>22.88%</b>	<b>66.60</b>	<b>-3.74%</b>
Trung bình 20 ngày	316.97	16.02%	87.49	49.04%	52.65	26.49%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>6,745.96</b>	<b>-12.58%</b>	<b>3,195.30</b>	<b>-13.87%</b>	<b>1,033.01</b>	<b>-17.12%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>6,151.97</b>	<b>-1.88%</b>	<b>3,027.48</b>	<b>1.25%</b>	<b>859.23</b>	<b>10.45%</b>
Trung bình 20 ngày	5,471.17	12.44%	2,485.48	21.81%	601.36	42.88%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	150	33%	13	43%	84	24%
<b>Số mã giảm</b>	246	54%	15	50%	83	23%
<b>Số mã đứng giá</b>	57	13%	2	7%	189	53%



Bất chấp những diễn biến bán tháo của thị trường chứng khoán thế giới trong hôm qua và rạng sáng nay do lo ngại liên quan đến sự bùng phát trở lại của số ca nhiễm Covid-19 mới, chứng khoán trong nước vẫn ghi nhận lực cầu khá tích cực. VN-Index chỉ rung lắc quanh tham chiếu trong khi HNX-Index ấn tượng hơn với phiên bứt phá mạnh mẽ.

Chốt phiên, VN-Index giảm nhẹ và đóng cửa tại mức 906.19 điểm (-0.19%). Thanh khoản duy trì ở mức cao so với trung bình với 6,152 tỷ đồng giá trị khớp lệnh, tương đương với 367.7 triệu cổ phiếu (+5.2%). Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về bên bán với 246 mã giảm so với 150 mã tăng.

Trong đó, Vingroup-VIC (-1.5%), PV Gas-GAS (-1.2%), Vinhomes-VHM (-0.4%), Vinamilk-VNM (-0.4%) là những trụ cột gây áp lực cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, mặc dù số mã giảm áp đảo, nhóm ngân hàng vẫn là động lực giúp hỗ trợ tích cực cho chỉ số khi hầu hết các cổ phiếu trong nhóm đều đóng cửa trong sắc xanh. Đáng chú ý là phiên tăng trần của Sacombank-STB (+6.8%) cùng đà tăng mạnh của Vietcombank-VCB (+1.2%).

Về giao dịch của khối ngoại, khối này có phiên mua ròng cổ phiếu thứ 2 liên tiếp trên sàn HoSE, đạt giá trị 36.1 tỷ đồng (-60.0%). Với những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Chứng khoán SSI-SSI (+32.2 tỷ), Vinamilk-VNM (+29.7 tỷ), Vietjet Air-VJC (+26.2 tỷ) trong khi PV Gas-GAS (-32.2 tỷ), Hòa Phát-HPG (-18.1 tỷ), Vinhomes-VHM (-16.1 tỷ) bị bán ròng. Ngoài ra, khối ngoại cũng mua ròng khá lớn với chứng chỉ quỹ của VFMVN DIAMOND và SSIAM VNFINLEAD trong hôm nay với giá trị lần lượt là 27.7 tỷ và 18.3 tỷ.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index tiếp tục khởi sắc và đóng cửa gần như cao nhất phiên tại mức 132.19 điểm (+1.23%). KLGD khớp lệnh đạt 66.6 triệu cổ phiếu (-3.7%), tương đương 859.2 tỷ đồng giá trị (+10.5%).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
SAM	7,292.2	74.74
VPB	2,932.0	64.48
VNG	2,908.5	46.54
PDR	1,209.0	46.20
VGC	1,700.0	39.35
NVL	635.0	39.15
SHI	2,915.0	27.11
VHM	270.0	20.76
HAG	4,000.0	18.08
VNM	114.4	14.85
<b>HNX</b>		
HHC	471.3	50.43
SHB	3,200.1	48.00
SHS	2,248.2	24.28
VCS	218.1	13.28
VC3	690.0	11.52
TAR	455.9	9.12
VMC	420.0	4.54
TIG	430.0	3.10
VC1	349.5	2.45
ACB	100.1	2.20

Kỳ vọng từ việc chuyển sàn sang HoSE giúp bộ đôi nhóm ngân hàng là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.7%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.4%) bứt phá kéo điểm chính cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, Vicostone-VCS (-1.0%), Đầu tư Tổng hợp Hà Nội-SHN (-5.3%) và Idico-IDC (-0.8%) có diễn biến giảm điểm tiêu cực.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 1.6 tỷ đồng (-49.8%). Lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Dệt may TNG-TNG (-1.1 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-0.9 tỷ) và Cảng Đoạn Xá-DXP (-0.4 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được mua ròng là Đầu tư Thăng Long-TIG (+1.9 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.3 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, xu hướng chính của chỉ số vẫn là phục hồi, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, cùng với chòm MA5, 10, 20 đang ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể sớm tăng điểm trở lại và hướng lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tích cực hơn. Chỉ số tiếp tục đi lên phiên thứ tư liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chòm MA5, 10, 20 trong trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 134.4 (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường nằm trong xu hướng phục hồi và các phiên giảm điểm có thể chỉ mang tính điều chỉnh nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, thu hút được dòng tiền mạnh và có dự báo kết quả kinh doanh quý 3 tăng trưởng khả quan.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DTL	9.2	0.2	7.0%
VAF	10.3	0.0	7.0%
TNC	26.5	0.2	6.9%
EMC	18.8	0.0	6.8%
STB	12.6	45,707.9	6.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PXI	4.2	158.8	-6.9%
TDG	2.3	770.2	-6.9%
PTL	5.1	11.7	-6.8%
AAM	11.0	0.0	-6.0%
TGG	1.2	525.3	-5.7%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	12.6	563.6	6.8%
HPG	25.6	390.5	-0.6%
HSG	14.2	217.9	2.2%
GEX	24.9	207.9	1.4%
MBB	19.2	190.9	0.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	12.6	45,707.9	6.8%
HSG	14.2	15,453.4	2.2%
HPG	25.6	15,285.9	-0.6%
ITA	4.5	12,704.5	-1.8%
ASM	7.9	11,230.8	1.2%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	52.2	16.7%
FID	1.1	24.0	10.0%
HTP	8.8	15.1	10.0%
TTL	7.7	0.3	10.0%
TMC	11.0	0.1	10.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.7	245.0	-12.5%
KST	15.8	1.1	-9.7%
QNC	6.8	21.9	-9.3%
MCO	2.0	2.5	-9.1%
SGH	37.0	0.4	-9.1%

#### Top 5 giá trị

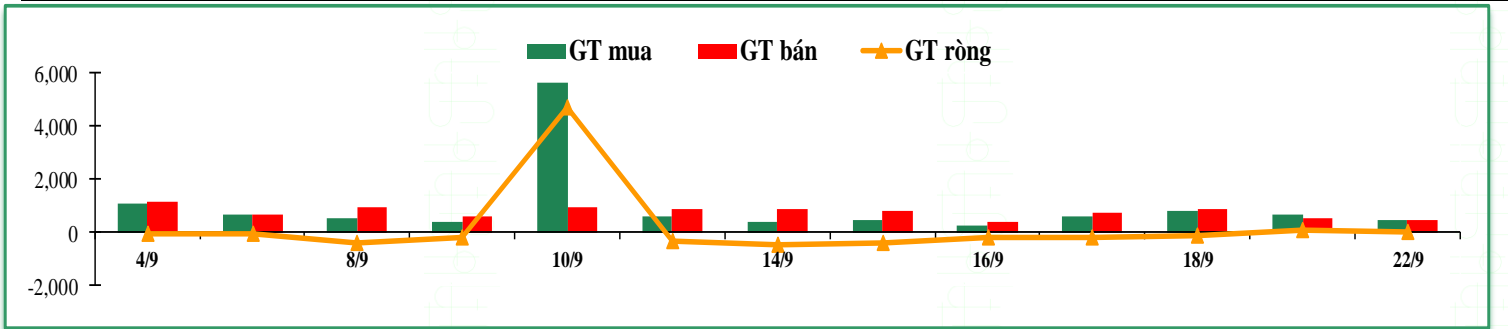
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.5	206.8	4.7%
ACB	22.3	194.7	1.4%
SHB	15.4	92.9	2.7%
NVB	8.8	34.9	2.3%
SHS	12.0	28.7	0.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	13.5	15,634.4	4.7%
ACB	22.3	8,818.5	1.4%
SHB	15.4	6,059.5	2.7%
NVB	8.8	4,014.9	2.3%
HUT	2.7	4,005.5	0.0%

**Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài**

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	496.7	8.1%	460.6	7.5%	36.1
HNX	5.2	0.6%	6.8	0.8%	-1.6
<b>Tổng số</b>	<b>501.8</b>		<b>467.3</b>		<b>34.5</b>



**HOSE**

**Top 5 mua nhiều nhất**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	129.6	77.6	-0.4%
VCB	84.0	53.7	1.2%
VJC	106.7	44.8	0.2%
VHM	76.8	35.0	-0.4%
VIC	94.6	34.0	-1.5%

**Top 5 bán nhiều nhất**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	76.8	51.1	-0.4%
VCB	84.0	48.0	1.2%
HPG	25.6	48.0	-0.6%
VNM	129.6	47.8	-0.4%
GAS	71.9	32.8	-1.2%

**Top 5 mua ròng**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SSI	16.6	32.2	0.3%
VNM	129.6	29.7	-0.4%
VJC	106.7	26.2	0.2%
VIC	94.6	8.3	-1.5%
VRE	28.7	8.3	-0.9%

**HNX**

**Top 5 mua nhiều nhất**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	7.2	2.0	0.0%
PVS	13.5	0.8	4.7%
VCS	66.9	0.7	-1.0%
WCS	190.1	0.3	-0.6%
IDV	49.1	0.2	-0.4%

**Top 5 bán nhiều nhất**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.5	1.7	4.7%
TNG	13.4	1.1	0.0%
VCS	66.9	0.6	-1.0%
DXP	12.3	0.4	-2.4%
LAS	6.2	0.4	-1.6%

**Top 5 mua ròng**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	7.2	1.9	0.0%
WCS	190.1	0.3	-0.6%
IDV	49.1	0.2	-0.4%
TMB	17.5	0.1	0.0%
HHP	10.9	0.1	0.0%

## Tin trong nước

### **Xuất siêu tiếp tục lập kỷ lục mới**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 9/2020 (từ ngày 01/9 đến ngày 15/9) đạt 24,301 tỷ USD, giảm 8,9% so với kỳ 2 tháng 8/2020. Lũy kế đến hết ngày 15/9, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 361,51 tỷ USD.

Trong kỳ 1 tháng 9, **cán cân thương mại của Việt Nam tiếp tục thặng dư 973 triệu USD** nâng mức thặng dư lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/9 đạt 14,46 tỷ USD. Đây là mức thặng dư kỷ lục của Việt Nam.

**Về xuất khẩu**, trong kỳ 1 tháng 9, Việt Nam đạt giá trị xuất khẩu 12,63 tỷ USD, **giảm 15,8% so với kỳ trước. Trong đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt giá trị xuất khẩu 7,83 tỷ USD.**

Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/9, giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 187,9 tỷ USD. Trong đó, giá trị xuất khẩu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 120,47 tỷ USD.

Tương tự các tháng trước đó, trong kỳ 1 tháng 9, Việt Nam tiếp tục có thế mạnh xuất khẩu ở một số mặt hàng như: Điện thoại các loại và linh kiện đạt giá trị xuất khẩu 2,327 tỷ USD; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 2,18 tỷ USD; Dệt may đạt 1,37 tỷ USD; Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 1,21 tỷ USD và giày dép các loại đạt 581 triệu USD.

Ở chiều ngược lại, **kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 9 đạt 11,664 tỷ USD**, tăng 0,1% so với kỳ 2 tháng 8. Trong đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt giá trị nhập khẩu 6,64 tỷ USD.

Lũy kế đến hết ngày 15/9, giá trị nhập khẩu của Việt Nam đạt 173,5 tỷ USD. Trong đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt giá trị nhập khẩu 96,7 tỷ USD.

### **Cầu yếu, tín dụng đến 16/9 mới tăng 4,81%**

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đến ngày 15/9, tổng phương diện thanh toán M2 tăng 7,58% so với cuối năm 2019. Dù nguồn vốn và thanh khoản dồi dào, sẵn sàng cung cấp đủ, kịp thời tín dụng cho nền kinh tế nhưng do cầu tín dụng còn rất yếu trước tác động của dịch bệnh. Tính đến 16/9, tín dụng tăng 4,81%. Trong khi đó, năm trước, tính đến 20/9, tín dụng tăng 8,64%.

NHNN cũng cho biết hầu hết TCTD đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016 theo phương pháp tiêu chuẩn của Basel II. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng tiếp tục được duy trì ở mức dưới 2%. Bên cạnh đó, tính từ năm 2012 đến cuối tháng 7/2020, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được khoảng 1,1

triệu tỷ đồng nợ xấu, trong đó 7 tháng đầu năm 2020, tổng nợ xấu được xử lý là khoảng 63.700 tỷ đồng.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Lợi nhuận PNJ giảm 12% trong tháng 8, đặt kế hoạch mở mới 31 cửa hàng trong giai đoạn cuối năm**

Lũy kế 8 tháng đầu năm, doanh thu thuần PNJ đạt 10.291 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,1% và LNST đạt 548 tỷ đồng, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này giúp PNJ hoàn thành lần lượt 71% chỉ tiêu doanh thu và 65,7% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm 2020.

PNJ công bố KQKD ước tính tháng 8 với doanh thu thuần đạt 1.238 tỷ đồng, giảm 8,1% và LNST đạt 52 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 8 tháng đầu năm, doanh thu thuần PNJ đạt 10.291 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,1% và LNST đạt 548 tỷ đồng, giảm 23% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này giúp PNJ hoàn thành lần lượt 71% chỉ tiêu doanh thu và 65,7% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm 2020.

Công ty do ông Đặng Thành Tâm làm Chủ tịch HĐQT đăng ký mua 10 triệu cổ phần Kinh Bắc City

CTCP Đầu tư Vinatex Tân Tạo vừa thông báo đăng ký mua 10 triệu cổ phiếu KBC của Tổng Công ty Phát triển đô thị Kinh Bắc (Kinh Bắc City). Giao dịch dự kiến thực hiện theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận từ 28/9 đến 27/10/2020.

Hiện tại Vinatex Tân Tạo đang sở hữu gần 11 triệu cổ phiếu KBC tương ứng 2,34% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Kinh Bắc City.

### **MB chuẩn bị trả cổ tức tỷ lệ 15%**

Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB- HOSE: MBB ) vừa thông báo đã nhận được công văn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của MB.

Trước đó, hồi cuối tháng 6, Đại hội cổ đông thường niên 2020 của MB đã thông qua mức chi trả cổ tức dự kiến cho năm 2020 là 15% bằng cổ phiếu.

Đại hội cũng thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ mức 24.370 tỷ đồng lên 27.987 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 15% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của MB. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý 3 hoặc quý 4/2020.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTG	Mua	23/09/20	25.8	25.8	0.0%	28	8.5%	25.2	-2.3%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HVN	Quan sát mua	23/09/20	26.65	30	Nhịp điều chỉnh bảm MA200 tích cực với vol giảm thấp dần + về lại hỗ trợ 26-26.5 -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
2	VCB	Quan sát mua	23/09/20	84	90	Phiên bật tăng tốt từ nền kèm vol tăng dần gần đây -> khả năng có nhịp tăng ngắn hạn
3	PVD	Quan sát mua	23/09/20	11.45	13.5 14.5-15.5	Tích lũy bên dưới MA200 với vol tăng lại gần đây + MACD cắt lên lại Signal -> khả năng sớm có phiên break
4	TCH	Quan sát mua	23/09/20	21.05	23   25	Vol tăng dần gần đây khi đang trong vùng tích lũy 20.5-21.5 -> khả năng sớm có phiên break
5	LDG	Quan sát mua	23/09/20	7.15	7.7-8.1	Các phiên điều chỉnh tích cực với vol giảm dần -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 6.6-6.85

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.35	33.45	20.6%	43.5	30.0%	31.8	-5%	Thủng ngưỡng 40 ngàn (MA20) thì chốt lời
2	PPC	Mua	14/09/20	23.9	24.3	-1.6%	26	7.0%	23.5	-3%	Thủng ngưỡng 23.8 ngàn (MA50) thì bán

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

3	IMP	Mua	15/09/20	48.55	48.15	0.8%	54.4	13%	47.2	-2%
4	LIX	Mua	16/09/20	57.5	56.8	1.2%	60.9	7%	54.9	-3%
5	MWG	Mua	17/09/20	99.6	94.6	5.3%	105	11%	90	-5%
6	VNM	Mua	21/09/20	129.6	126.4	2.5%	137	8%	123.9	-2%
7	PVS	Mua	22/09/20	13.5	12.9	4.7%	14.2	10%	12.6	-2%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 22/09/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,130	-12.4 %	-27%	604	85	72,700	83	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,960	-2.1 %	64%	2,663	48	51,300	1,739	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,870	2.8 %	25%	1,364	37	51,300	1,651	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,800	0 %	7%	5,315	31	51,300	1,582	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,570	-1.9 %	5%	2,637	114	51,300	851	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	900	5.9 %	-17%	13,544	13	30,900	901	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	3,150	3.3 %	44%	7,105	16	30,900	3,116	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	-	0 %	-100%	-	9	25,550	6,564	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2008	4,100	4,320	-4.6 %	5%	23,539	69	25,550	75	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,490	-1.5 %	181%	2,836	37	25,550	1,560	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	6,280	-2.6 %	3%	2,328	118	25,550	839	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,870	-2.1 %	14%	1,381	70	25,550	1,816	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CHPG2014	7,200	7,470	-2.0 %	4%	4,553	209	25,550	1,802	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,790	-3.0 %	1%	1,352	160	25,550	1,281	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,910	-0.7 %	32%	9,117	114	25,550	242	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,860	8.1 %	-7%	2,545	48	19,200	1,285	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	650	38.3 %	-68%	2,499	34	19,200	23	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,430	2.9 %	30%	95,792	37	19,200	1,375	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,690	5.0 %	21%	11,963	114	19,200	1,214	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	410	-8.9 %	-82%	18,031	85	54,300	1	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	370	-14.0 %	-82%	4,867	37	54,300	0	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,200	0 %	-37%	3,719	114	54,300	315	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,280	0 %	-16%	4,049	76	54,300	468	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2005	2,500	4,240	10.7 %	70%	548	9	99,600	3,834	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	400	53.9 %	-80%	9,519	34	99,600	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	15,670	5.7 %	21%	4,691	69	99,600	13,136	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,540	1.3 %	18%	82,923	35	99,600	1,485	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	2,150	4.9 %	34%	27,091	31	99,600	2,226	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,140	0.5 %	53%	8,750	114	99,600	1,850	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	85	63,800	115	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,540	-1.9 %	27%	550	169	63,800	1,048	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	330	10.0 %	-86%	273	9	60,900	(0)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	-	0 %	-100%	-	34	60,900	(0)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	480	-4.0 %	-52%	21,228	37	60,900	146	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	850	-2.3 %	-15%	1,487	114	60,900	387	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,120	-2.8 %	27%	14,941	59	60,900	1,632	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CREE2003	1,000	2,100	-5.4 %	110%	12,001	37	40,400	2,098	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,600	-5.3 %	129%	941	31	40,400	3,659	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,300	-4.6 %	77%	476	114	40,400	2,053	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	140	27.3 %	-86%	5,441	85	2,110	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSBT2001	2,900	200	-9.1 %	-93%	2,928	85	14,350	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,700	47.8 %	0%	22,573	85	12,550	880	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,180	55.7 %	56%	157,556	69	12,550	1,619	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	840	90.9 %	-22%	16,507	42	12,550	396	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,120	28.7 %	-25%	26,524	195	12,550	447	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	2,900	38.1 %	93%	46,974	59	12,550	2,400	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CTCB2003	2,000	300	0 %	-85%	4,600	34	22,350	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,890	-1.6 %	-37%	2,049	69	22,350	817	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,240	-0.4 %	87%	12,736	37	22,350	2,203	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,890	0 %	11%	5,294	114	22,350	1,333	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	890	-12.8 %	-71%	4,038	85	76,800	2	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,680	-3.7 %	-51%	8,802	69	76,800	2,057	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,010	-1.0 %	1%	3,475	37	76,800	702	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	60	-14.3 %	-96%	2,741	13	76,800	(0)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	930	3.3 %	-34%	6,865	114	76,800	256	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	-	0 %	-100%	-	85	106,700	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	380	-5.0 %	-80%	1,770	37	106,700	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	70	16.7 %	-96%	3,249	13	106,700	(0)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	18,610	1.0 %	6%	1,373	69	129,600	12,359	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,940	-0.7 %	96%	14,257	37	129,600	2,692	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	410	-6.8 %	-73%	1,101	13	129,600	8	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,660	-2.9 %	-31%	403	169	129,600	397	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,380	0.4 %	32%	3,080	114	129,600	1,696	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,640	-0.8 %	46%	10,105	76	129,600	2,327	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2006	3,400	1,440	-2.0 %	-58%	13,661	69	23,400	470	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	970	-1.0 %	-43%	26,699	37	23,400	515	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,690	-0.6 %	-6%	5,921	114	23,400	1,031	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,050	-2.4 %	26%	5,451	59	23,400	1,651	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2003	3,000	350	2.9 %	-88%	2,700	85	28,700	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,640	-7.4 %	-34%	1,942	69	28,700	1,301	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,530	-2.6 %	39%	12,930	37	28,700	1,443	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	630	-7.4 %	-59%	61,996	195	28,700	188	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,250	-5.3 %	4%	1,250	114	28,700	813	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">IMP</a> (New)	HOSE	49,100	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
<a href="#">CTD</a> (New)	HOSE	73,600	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
<a href="#">DBD</a> (New)	HOSE	45,400	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	84,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a>	HOSE	52,700	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a>	HOSE	57,500	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	28,700	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,000	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	99,600	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	63,800	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,600	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	123,300	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	54,300	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	25,550	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	106,000	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	103,350	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	23,400	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	60,400	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,500	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">PNJ</a>	HOSE	60,900	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
---------------------	------	--------	--------	------------	-----	-------	--------	-----	-----	------	-----	----

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn